TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-7-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự
Ông Trần Công Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 496/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Ngọc K, sinh năm 1994; Địa chỉ: ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp N, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Ngọc K trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị Đặng Ngọc K và anh Nguyễn Hoàng Q tự nguyện kết hôn và thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang năm 2013. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau xảy ra mâu thuẫn do anh Q có mối quan hệ với người phụ nữ khác không còn quan tâm đến gia đình cũng như tình cảm đối với chị. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đặng Ngọc K yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q; Về con chung, có hai con chung gồm cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 30/8/2012 (giới tính nữ) và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày

23/7/2019 (giới tính nam), khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày trong vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Đặng Ngọc K và bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên hôn nhân được pháp luật công nhận là vợ chồng. Khi mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên nguyên đơn chị Đặng Ngọc K xin ly hôn với bị đơn anh Q. Để tạo điều kiện cho nguyên đơn chị K và bị đơn anh Q hàn gắn hôn nhân, Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, chị K vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh Q. Chị K xác định không còn tình cảm với anh Q và không mong muốn hàn gắn hôn nhân. Trong khi, anh Q được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh Q cũng không mong muốn gặp gỡ chị K để hàn gắn hôn nhân. Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng cả hai không thực hiện được. Bện cạnh, anh Q vi phạm nghĩa vụ vợ chồng có mối quan hệ với người phục nữ khác làm cho hôn nhân không hạnh phúc. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh Q mâu thuẫn đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Ngọc K với anh Nguyễn Hoàng Q được chấp nhận.

[4] Về con chung: Nguyên đơn chị Đặng Ngọc K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 30/8/2012 (giới tính nữ) và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/7/2019 (giới tính nam), bị đơn anh Nguyễn Hoàng Q không có văn bản nêu ý kiến về con chung. Trong khi đó, cháu M có văn bản trình bày được sống chung với chị K. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp*

nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Bên cạnh, trong thời gian xảy ra mâu thuẫn đến nay chị K là người trực tiếp nuôi con chung và không có chứng cứ thể hiện chị K vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung. Để giữ môi trường sống ổn định cho các con chung cũng như đã phân tích nêu trên. Xét thấy yêu cầu nuôi con chung của chị K có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144 và Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 81, 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Ngọc K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Ngọc K được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Q.

2. Về con chung: Chị Đặng Ngọc K được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Ngọc M, sinh ngày 30/8/2012 (giới tính nữ) và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 23/7/2019 (giới tính nam) đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Hoàng Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Nguyễn Hoàng Q, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Ngọc K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số PT2024/0042 ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí.

5. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Hiếu